

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 465/2025/DS-PT

Ngày: 23-7-2025

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Minh Tùng;

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09/7 và ngày 23/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M (Tòa án khu vực 10) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2025/QĐ-PT ngày 06/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Kiều, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Là người đại diện Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều, chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện M, tỉnh Đồng Tháp (thep Hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2024 của Văn phòng Công chứng Huỳnh Việt Trung).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều, luật sư Võ Thị Băng Giang - Văn phòng Luật sư Băng Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1963 (hiện đã chết).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

1. Chiêm Thị C, sinh năm: 1963.
2. Nguyễn Minh T, sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Số 493B, khu vực Thanh Thắng, phường Thường Thạnh, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm: 1982.
4. Nguyễn Thị Mỹ S, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chín, anh Thư, chị Xuyên, chị Sương, anh Trần Ngọc Tiến, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Số 71E, khóm Mỹ Phú, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 18/9/2024 của Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật).

5. Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1972.
2. Võ Thị H, sinh năm: 1978.
3. Đặng Phú H, sinh năm: 1965.
4. Đinh Thị D, sinh năm: 1974.
5. Đặng Như , sinh năm: 2005.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Kiều, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ủy ban nhân dân huyện M (cũ).

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh Bình. Chức vụ: Chủ tịch UBND Huyện.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn.
- Viện kiểm sát không kháng nghị.

(Nguyên đơn theo ủy quyền có mặt; đại diện bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo quyền của ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều là nguyên đơn trình bày ý kiến và yêu cầu:

Miếu bà C thành lập vào năm 1918, có bị hư hỏng rồi sửa chữa nhiều lần, khi lập có Ban Hội hương quản lý và chỉ điểm người làm Từ (đốt nhang), đến sau này mới có Quyết định công nhận của chính quyền địa phương, lập Miếu là để người dân cúng viếng theo nguyện vọng tự nguyện, tâm linh, phong tục tập quán địa phương.

Nguồn gốc đất, ông Đ nghe các cụ kể lại là ông cố tên Nguyễn Văn Phở, ông nội tên Nguyễn Văn Danh của ông Đ hiến đất cho Miếu, diện tích hiến trước đây khoảng 50.000m², trải qua nhiều đời làm Từ, một số người dân xung quanh chiếm lấy đất sử

dụng, khi bà Nguyễn Thị Lự làm bà Từ đã bán cho người khác khoảng hơn mười công, hiện nay chỉ còn lại cái Miếu và đất nghĩa địa khoảng hơn 5.000m².

Qua tìm hiểu được biết đất tranh chấp do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông N nhận thừa kế từ cụ bà Nguyễn Thị Lự, chồng bà Lự là cụ ông Nguyễn Văn Lai là ông Từ của Miếu trước đây được Ban Hội Hương cho làm ông Từ để giữ Miếu), thửa đất số 298, tờ bản đồ số 02, diện tích 5.771m². Việc ông N đứng tên giấy chứng nhận thì thành viên quản lý Miếu bà C không ai biết, đến khi bà Chín (vợ ông N) làm thủ tục thừa kế thì mới biết và phát sinh tranh chấp.

Trên đất tranh chấp có Miếu bà C, nhà của ông Ngoan ở để đốt nhang cho Miếu và một phần đất phía sau Miếu do ông Ngoan lên liếp trồng cây mít, một phần nhà của ông Hộ và nhiều cái mộ (mộ đá, mộ đất là người thân của ông N), 01 bụi tre do ông Ngoan trồng.

Đối với nhà của ông Ngoan, ông Hộ thì Miếu bà C không có tranh chấp (không có yêu cầu di dời).

Do đó, Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hoàng N chuyển quyền sử dụng đất cho Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 3.860,5m², thửa đất số 298, tờ bản đồ số 2, xã Tân Kiều.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là mảnh giấy viết tay (có ép nhựa), còn nội dung mảnh giấy này ghi gì thì tôi không rõ, do không đọc được nội dung. Nay tôi yêu cầu dịch thuật tài liệu này, bên nguyên đơn sẽ nộp tạm ứng chi phí dịch thuật.

Ngoài ra, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 23/9/2024 là yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 298, tờ bản đồ số 2, xã Tân Kiều do ông Nguyễn Hoàng N đứng tên giấy chứng nhận. Nhưng, chưa được Tòa án xem xét. Tôi yêu cầu Tòa án xem xét thụ lý đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 23/9/2024 của nguyên đơn.

2. Ý kiến trình bày của anh Trần Ngọc Tiến, là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N là bị đơn (gồm có bà Chín, anh Thư, chị Mỹ Xuyên, chị Sương):

Không đồng ý toàn bộ yêu cầu của đại diện Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều. Lý do: Nguồn gốc đất là của ông bà của ông N để lại cho ông N, thời ông bà của ông N có đồng ý Miếu bà C xây dựng để người dân cúng viếng, phần còn lại của ông N, ông Ngoan, ông Hộ xây cất nhà và thay đổi hiện trạng thì bên bà Chín không biết.

Khi ông N còn sống, thì ông N có cất cái nhà nhỏ (cây tạp) để ở, nhưng ở không thường xuyên, vì có nhà và kinh doanh ở Hậu Giang.

Trên đất có mộ người thân của ông N như: ông, bà ngoại ông N, cha, mẹ ông N ... Đã từ lâu, bên ông N đồng ý hiến một phần đất cho Miếu (phần Miếu đã xây dựng). Nay, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hoàng N đồng ý hiến cho Miếu bà C Ấp 3, xã Tân Kiều diện tích 1.000m².

Không yêu cầu ông Ngoan, ông Hộ di dời tài sản trên đất trong vụ kiện này.

3. Ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy Kiều, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

Không có yêu cầu gì cho quyền lợi đối với thửa đất đang tranh chấp và đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

4. Ý kiến trình bày của anh Nguyễn Văn Ngoan và chị Võ Thị Hà, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại văn bản ý kiến ngày 06/9/2024 và ngày 12/11/2024, anh Ngoan và chị Hà trình bày: Năm 2002, Ban hội hương Miếu bà C có đồng ý cho anh cất nhà để ở và đốt nhang cho Miếu bà. Kết cấu nhà: nhà cấp 4 (bó nền, nền cán bê tông, vách bê tông, mái lợp tol, ngang 4m x dài 12m và nhà phụ (mái trái) ngang 2,8m x dài 12m, nền cán bê tông, mái lợp tol. Phía sau Miếu bà anh có thuê Kobe lên liếp trồng cây mít, anh muốn tiếp tục ở lại Miếu để đốt nhang. Nếu sau này, người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiếp tục cho anh ở, thì nhà và tài sản của anh trên đất sẽ tự thỏa thuận, giải quyết bằng vụ án khác.

Trường hợp diện tích đất giao cho Miếu bà C sử dụng mà có liên quan đến diện tích đất anh, chị lên liếp trồng cây ăn trái thì anh, chị cũng không yêu cầu Miếu bà C Áp 3, xã Tân Kiều hoàn trả giá trị chi phí và giá trị cây trồng trong vụ án này.

5. Ý kiến trình bày của hộ ông Đặng Phú Hộ, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại văn bản ý kiến ngày 06/9/2024, hộ ông Đặng Phú Hộ trình bày: Năm 1995, gia đình ông có cất nhà cây tạp, năm 2000 sửa lại nhà, do khi cất không xác định được ranh, nên có cất qua một phần thửa đất đang tranh chấp, nếu chủ đất mới có nhu cầu lấy lại đất thì ông sẽ thỏa thuận hai bên về chi phí di dời vụ kiện khác.

6. Ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện M, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

7. Ủy ban nhân dân huyện M thực hiện theo Bản án, Quyết định của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật.

8. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, đại diện Miếu bà C Áp 3, xã Tân Kiều.

- Miếu bà C Áp 3, xã Tân Kiều được quyền sử dụng diện tích 1.000m². Miếu bà C Áp 3, xã Tân Kiều được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.000m², trong phạm vi các mốc M2- M7- M6- R10- R9- R8- M2, thuộc một phần thửa đất số 298, tờ bản đồ số 2, xã Tân Kiều, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hoàng N (gồm Chiêm Thị Chín, Nguyễn Minh Thư, Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, Nguyễn Thị Mỹ Sương, Nguyễn Thị Thúy Kiều) có quyền đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 2, xã Tân Kiều, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo Luật định.

9. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

10. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với bản án sơ thẩm vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Khi cấp đất cho cụ Lự và chuyển qua cho ông N thì Miếu bà Chú Sứ biết, cụ Lự cũng không sử dụng phần đất này nên yêu cầu công nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: mặc dù cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là vợ con (theo giấy đăng ký kết hôn) của ông N vô nhưng cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án vì vợ con ông N không có yêu cầu trong vụ án.

+ Về nội dung: Miếu bà Chú Sứ đã hình thành từ lâu đời, sử dụng và sửa chữa nhiều lần. Phần đất đang tranh chấp thì Miếu có sử dụng để làm công quả được nhiều người làm chứng. Việc cấp đất cho cụ Lự thì phía Miếu không biết và việc cấp đất này là không hợp pháp.

Đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và cho rằng:

+ Về tính hợp pháp của các Quyết định cấp đất cho ông N là hợp pháp. Trong quá trình được cấp đất và sử dụng đất có bán đất 01 lần nhưng bên Miếu bà Chú Sứ không có tranh chấp. Phần đất này đã được cấp Quyền sử dụng đất và sử dụng trên 30 năm là hợp pháp. Nhưng vấn đề tâm linh thì gia đình ông N đồng ý giao 1.000 m² cho nguyên đơn là thể hiện sự nguyện hiến cho Miếu.

+ Việc không đưa người liên quan là vợ và con (có đăng ký kết hôn) của ông N tham gia tố tụng cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì vợ và con ông N không có yêu cầu trong vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, có phát sinh thêm chứng cứ mới chứng minh ông Nguyễn Hoàng N có vợ đăng ký kết hôn và một người con tên Nguyễn Lê Phương Thảo nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào hàng thừa kế của ông N là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Nguyễn Văn Đ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Việc cấp sơ thẩm xác định đất thuộc sở hữu của ông N dựa trên quá trình sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp đất hợp pháp là có căn cứ phù hợp với các quy định pháp luật.

2.2 Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Hoàng N đã có chết có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Chiêm Thị Chín, chị Nguyễn Minh Thư, chị Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, chị Nguyễn Thị Mỹ Sương, chị Nguyễn Thị Thúy Kiều. Tại phiên tòa, đương sự cung cấp thêm giấy đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2002 của ông Nguyễn Hoàng N có đăng ký kết hôn với bà Lê Thị Thu Thủy theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 tại ủy ban thị trấn Mỹ An, huyện M, tỉnh Đồng Tháp và có một con chung với bà Thủy là chị Nguyễn Lê Phương Thảo sinh năm 1998. Việc cấp sơ thẩm không xác định rõ tình trạng hôn nhân của ông N cũng như không đưa bà Thủy và chị Thảo là vợ con của ông Như vào tham gia vụ án với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N là thiếu tư cách đương sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Việc hủy án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm chứ không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng mà các đương sự đã nộp sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ án.

Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Hủy Toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng mà các đương sự đã nộp sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ không phải nộp.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001223 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nay là Phòng THADS khu vực 10.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Hủy Toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện M và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 10 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng mà các đương sự đã nộp sẽ được xem xét khi Tòa án nhân dân khu vực 10 - tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ không phải nộp.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001223 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nay là Phòng THADS khu vực 10.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Phạm Minh Tùng